

10 ĐỀ THI HK1 VẬT LÝ 6 NĂM 2020 - 2021

1. Đề thi HK1 Vật Lý 6 số 1

ĐỀ THI HK1 LỚP 6

TRƯỜNG THCS LÂM VĂN BÈN

NĂM HỌC: 2020-2021

MÔN: Vật Lý

Thời gian làm bài: 45 phút

Câu 1. Nêu nguyên tắc đo độ dài một vật.

Câu 2. Dùng cân Rôbecvan và lực kế để đo khối lượng của cùng một vật ở vùng xích đạo. Khi đó hai dụng cụ cho cùng một kết quả. Nếu mang cả hai dụng cụ này và vật đến vùng Bắc cực thì số chỉ của hai dụng cụ có còn giống nhau nữa không? Cân nào chỉ đúng?

Câu 3. Thế nào là hai lực cân bằng?

Câu 4. Một vật có khối lượng 600 g treo trên một sợi dây đứng yên.

a. Giải thích vì sao vật đứng yên

b. Cắt sợi dây, vật rơi xuống. Giải thích vì sao vật đang đứng yên lại chuyển động?

Câu 5. Lực đàn hồi xuất hiện khi nào? Có đặc điểm gì về phương, chiều và cường độ?

Câu 6. Làm thế nào để đo được khối lượng riêng của các hòn bi bằng thủy tinh?

Câu 7.

a) Viết công thức tính trọng lượng riêng của một chất. Nêu rõ tên và đơn vị của từng đại lượng?

b) Ta đặt vật A lên đĩa cân bên trái và đặt các quả cân lên đĩa bên phải của một cân Rôbecvan. Muốn cân thăng bằng ta phải đặt: 2 quả cân 200g, 1 quả cân 100 g và 2 quả cân 20g. Khối lượng của A là bao nhiêu?

c) Thả vật A (không thấm nước) vào một bình có dung tích 500cm^3 đang chứa 400cm^3 nước thì thấy nước tràn ra là 100cm^3 . Tính thể tích vật A?

d) Tính trọng lượng riêng của chất làm vật A?

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Câu 1.

Các nguyên tắc đo độ dài một vật là:

- Ước lượng độ dài vật cần đo.
- Chọn thước có GHĐ và ĐCNN thích hợp.
- Đặt thước dọc theo độ dài cần đo sao cho một đầu của vật ngang bằng với vạch số không của thước
- Đặt mắt nhìn theo hướng vuông góc với cạnh của thước ở đầu kia của vật.
- Đọc và ghi kết quả theo vạch chia gần nhất với đầu kia của vật.

Câu 2.

Khi dùng cân Rôbecvan thì dù ở vùng xích đạo hay ở địa cực thì khối lượng các quả cân ở đĩa bên này luôn bằng với khối lượng vật ở đĩa bên kia nên cân vẫn đúng. Còn khi trọng lượng của vật thay đổi thì số chỉ lực kế thay đổi. Vì vậy, ở địa cực, số chỉ của lực kế sẽ khác với ở xích đạo.

Câu 3.

Hai lực cân bằng là hai lực mạnh như nhau, có cùng phương nhưng ngược chiều.

Câu 4.

- Vật đứng yên vì chịu tác dụng của hai lực cân bằng (trọng lực và lực kéo của dây).
- Khi cắt dây, không còn lực kéo của dây nữa, trọng lực sẽ làm vật rơi xuống.

Câu 5.

Lực đàn hồi:

- Xuất hiện khi vật bị biến dạng.
- Phương cùng phương với lực tác dụng lên vật.
- Chiều ngược chiều lực tác dụng.
- Độ lớn tỉ lệ thuận với độ biến dạng của vật.

Câu 6.

Để đo được khối lượng riêng của các hòn bi ta làm như sau:

- Đo khối lượng của các hòn bi bằng cân.
- Dùng bình chia độ đo thể tích các hòn bi.
- Dùng công thức $d=P/V$ để tính ra khối lượng riêng

Lưu ý: thể tích, khối lượng mỗi viên bi nhỏ nên ta có thể lấy nhiều viên để đo.

Câu 7.

a) Viết công thức: $d=P/V$, đại lượng P: trọng lượng, V thể tích, đơn vị đo N/m^3

b) Tính khối lượng vật:

$$A = 200 + 200 + 100 + 20 + 20 = 540g$$

c) Tính thể tích vật A:

$$V = (500 - 400) + 100 = 200cm^3$$

d) Đổi được: $P=5,4N$. Đổi được: $V=0,0002 m^3$

Thế vào công thức, tính được $d=27000 N/m^3$.

2. Đề thi HK1 Vật Lý 6 số 2**ĐỀ THI HK1 LỚP 6****TRƯỜNG THCS MẠC ĐĨNH CHI****NĂM HỌC: 2020-2021**

MÔN: Vật Lý**Thời gian làm bài: 45 phút****Câu 1.** Nêu cách đo khối lượng một vật bằng cân Rôbecvan.**Câu 2.** Nêu thí dụ về các vật biến dạng đàn hồi.**Câu 3.** Hãy kể tên các dụng cụ cần thiết để tiến hành đo khối lượng riêng của sỏi**Câu 4.** Thế nào là hai lực cân bằng? Cho một thí dụ trong thực tế mà em quan sát được (trường hợp một vật chịu tác dụng của hai lực cân bằng thì đứng yên). Nêu rõ hai lực đó.**Câu 5.** Hãy điền từ hoặc cụm từ thích hợp vào vị trí dấu . của các câu sau để được nội dung đúng.

a. Dùng mặt phẳng nghiêng có thể kéo vật lên với lực.....

trọng lượng của vật.

b. Khi sử dụng đòn bẩy, muốn làm cho lực nâng vật nhỏ hơn trọng lượng của vật thì phải làm cho khoảng cách từ điểm tựa tới điểm tác dụng của

lực nâng khoảng cách từ điểm tựa tới điểm tác

dụng của trọng lượng vật.

Câu 6. Hãy tính khối lượng và trọng lượng của một chiếc đầm sắt có thể tích 40dm^3 . Cho biết: $D_{\text{sắt}} = 7800\text{kg/m}^3$.**Câu 7.** Đổi các đơn vị sau:a. $2\text{ tấn} = \dots\text{ tạ}$;b. $6\text{ dm}^3 = \dots\text{ lít}$;c. $100\text{ g} = \dots\text{kg}$;d. $1500\text{ kg/m}^3 = \dots\text{g/cm}^3$;e. $160\text{ dm} = \dots\text{m}$;f. $20\text{ hm} = \dots\text{ m}$

g. $0,5 \text{ lít} = \dots \text{cc}$;

h. $0,8 \text{ g/cc} = \dots \text{kg/m}^3$

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Câu 1. Cách đo khối lượng một vật bằng cân Rôbecvan

a. Đầu tiên, phải điều chỉnh sao cho khi chưa cân, đòn cân phải nằm thẳng bằng, kim cân chỉ đúng vạch giữa. Đó là việc điều chỉnh số 0.

b. Đặt vật đem cân lên một đĩa cân bên trái

Đặt lên đĩa cân bên kia một số quả cân có khối lượng phù hợp sao cho đòn cân nằm thẳng bằng, kim cân nằm đúng giữa bảng chia độ.

c. Tổng khối lượng của các quả cân trên đĩa cân sẽ bằng khối lượng của vật.

Câu 2.

- Lưỡi cưa bằng thép khi bị uốn cong rồi thả ra thì quay trở lại như cũ.

- Khi đặt vật nặng lên tấm ván thì tấm ván bị cong xuống. Lấy vật nặng ra, tấm ván trở lại như cũ

Câu 3.

Kể tên các dụng cụ cần thiết để tiến hành đo khối lượng riêng của sỏi:

+ Dụng cụ dùng để đo thể tích: bình chia độ (có bình tràn nếu sỏi lớn).

+ Dụng cụ dùng để đo khối lượng: cân Rôbecvan có hộp quả cân (hoặc cân khác có ĐCNN và giới hạn đo bé).

+ Nước, sỏi, khăn lau,

Câu 4.

+ Hai lực cùng tác dụng vào một vật (chung điểm đặt), mạnh như nhau (cùng độ lớn), cùng phương nhưng ngược chiều gọi là hai lực cân bằng

+ Một vật treo trên sợi dây: trọng lực và lực đàn hồi của dây cân bằng nhau

Câu 5.

Điền từ hoặc cụm từ thích hợp vào vị trí dấu...

- a) Dùng mặt phẳng nghiêng có thể kéo vật lên với lực nhỏ hơn trọng lượng của vật.
- b) Khi sử dụng đòn bẩy, muốn làm cho lực nâng vật nhỏ hơn trọng lượng của vật thì phải làm cho khoảng cách từ điểm tựa tới điểm tác dụng của lực nâng lớn hơn khoảng cách từ điểm tựa tới điểm tác dụng của trọng lượng vật.

Câu 6.

Tóm tắt:

$$D_{\text{sắt}} = 7800\text{kg/m}^3$$

$$V = 40\text{dm}^3 = 0,04\text{m}^3$$

$$m = ? \quad P = ?$$

Áp dụng công thức:

$$D = m/V \Rightarrow m = D.V$$

Thay số

$$m = 7800 \cdot 0,04 = 312\text{kg}$$

Tính P:

$$P = 10 \cdot m = 10 \cdot 312 = 3120(\text{N})$$

Câu 7.

a. 2 tấn = 20 tạ

b. $6\text{dm}^3 = 6$ lít

c. $100\text{g} = 0,1$ kg

d. $1500\text{kg/m}^3 = 1,5\text{g/cm}^3$

e. $160\text{dm} = 16\text{m}$;

f. $20\text{km} = 20000\text{m}$;

g. $0,5\text{ lít} = 500\text{cc}$;

h. $0,8\text{g/cc} = 800\text{kg/m}^3$.

3. Đề thi HK1 Vật Lý 6 số 3

ĐỀ THI HK1 LỚP 6

TRƯỜNG THCS PHẠM VĂN CHIÊU

NĂM HỌC: 2020 - 2021

MÔN: Vật Lý

Thời gian làm bài: 45 phút

Câu 1. Người thợ may dùng thước nào dưới đây để đo vòng cổ khách hàng may áo sơ mi?

A . Thước kẻ có GHĐ 30cm, ĐCNN 1mm.

B . Thước dây có GHĐ 1,5m, ĐCNN 5mm.

C . Thước mét có GHĐ 1m, ĐCNN 2mm.

D. Thước cuộn có GHĐ 5m, ĐCNN 5mm

Câu 2. Khi sử dụng bình tràn và bình chứa để đo thể tích vật rắn không thấm nước thì người ta xác định thể tích của vật bằng cách nào dưới đây?

A. Đo thể tích bình tràn.

B. Đo thể tích bình chứa.

C. Đo thể tích phần nước tràn ra từ bình tràn sang bình chứa.

D. Đo thể tích nước còn lại trong bình tràn sau khi đã thả vật vào bình.

Câu 3. Người ta dùng một bình chia độ có độ chia nhỏ nhất là 2cm^3 , chứa 50cm^3 nước để đo thể tích của một vật. Khi thả vật ngập vào nước trong bình thì mực nước dâng lên. Trong các kết quả ghi sau đây có một kết quả đúng, đó là:

A. 32cm^3 .

B. $35,0\text{cm}^3$.

C. 33cm^3 .

D. $31,0\text{cm}^3$.

Câu 4. Lúc quả bóng bàn rơi xuống chạm mặt bàn rồi nảy lên thì lực mà mặt bàn tác dụng lên quả bóng có thể gây ra những hiện tượng gì đối với quả bóng?

A . Chỉ có sự biến đổi chuyển động của quả bóng.

B . Chỉ có sự biến dạng chút ít của quả bóng

C . Quả bóng bị biến dạng chút ít, đồng thời chuyển động của nó bị biến đổi.

D. Không làm biến dạng và cũng không làm biến đổi chuyển động của quả bóng.

Câu 5. Hai lực nào sau đây được gọi là cân bằng?

A . Hai lực cùng phương, cùng chiều, mạnh như nhau tác dụng lên hai vật khác nhau.

B . Hai lực cùng phương, cùng chiều, mạnh như nhau tác dụng lên cùng một vật.

C . Hai lực cùng phương, ngược chiều, mạnh như nhau tác dụng lên hai vật khác nhau.

D. Hai lực có phương trên cùng một đường thẳng, ngược chiều, mạnh như nhau tác dụng lên cùng một vật.

Câu 6. Trọng lượng của một vật 20g là bao nhiêu?

A. 0,02N.

B. 0,2N.

C. 20N.

D. 200N.

Câu 7. Trường hợp nào sau đây là thí dụ về trọng lực có thể làm cho một vật đang đứng yên phải chuyển động?

A. Quả bóng được đá thì lăn trên sân.

B. Một vật được tay kéo trượt trên mặt bàn nằm ngang.

C. Một vật được thả thì rơi xuống.

D. Một vật được ném thì bay lên cao.

Câu 8. Khi kéo vật khối lượng 1 kg lên theo phương thẳng đứng phải cần lực như thế nào?

A. Lực ít nhất bằng 1000N.

B. Lực ít nhất bằng 100N.

C. Lực ít nhất bằng 10N.

D. Lực ít nhất bằng 1N.

Câu 9. Cho biết 1kg nước có thể tích 1 lít còn 1 kg dầu hoả có thể tích $\frac{5}{4}$ lít. Phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Khối lượng của 1 lít nước nhỏ hơn khối lượng của 1 lít dầu hoả.

B. Khối lượng riêng của nước bằng $\frac{5}{4}$ khối lượng riêng của dầu hoả.

C. Khối lượng riêng của dầu hoả bằng $\frac{5}{4}$ khối lượng riêng của nước.

D. Khối lượng của 5 lít nước bằng khối lượng của 4 lít dầu hoả.

Câu 10. Trong 4 cách sau:

1. Giảm chiều cao kê mặt phẳng nghiêng

2. Tăng chiều cao kê mặt phẳng nghiêng

3. Giảm độ dài của mặt phẳng nghiêng

4. Tăng độ dài của mặt phẳng nghiêng

Các cách nào làm giảm lực kéo khi đưa vật lên cao bằng mặt phẳng nghiêng?

A. Các cách 1 và 2

B. Các cách 1 và 3.

C. Các cách 2 và 3.

D. Các cách 1 và 4.

B. TỰ LUẬN

Câu 11. Nêu nguyên tắc đo thể tích chất lỏng?

Câu 12. Một chiếc cân đòn đã được điều chỉnh cho kim chỉ đúng vào vạch số 0 của bảng chia độ. Đặt hai quả cân giống nhau (có khối lượng bằng nhau) lên hai đĩa cân thì thấy kim không chỉ đúng vạch số 0. Em hãy giải thích vì sao?

Câu 13. Nêu kết quả tác dụng của lực. Để đo cường độ của lực người ta dùng dụng cụ nào?

Câu 14. Trên chai nước ngọt có ghi 750ml. Con số đó có ý nghĩa gì? Đổi ra đơn vị lít và m^3 .

Câu 15. Nước rò rỉ qua đường ống nước của một hộ gia đình trung bình một giọt trong một giây; 20 giọt có thể tích $1cm^3$. Tính thể tích nước rò rỉ qua đường ống trong một tháng.

LỜI GIẢI CHI TIẾT

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
B	C	A	C	D	B	C	C	B	D

Câu 11. Nguyên tắc đo thể tích chất lỏng:

- Ước lượng thể tích vật cần đo.
- Chọn bình chia độ có GHĐ và ĐCNN thích hợp.
- Đặt bình chia độ thẳng đứng.
- Đặt mắt ngang với độ cao mực chất lỏng trong bình.
- Đọc và ghi kết quả theo vạch chia gần nhất

Câu 12.

Sở dĩ khi đặt hai quả cân giống nhau (có khối lượng bằng nhau) lên hai đĩa cân thì thấy kim không chỉ đúng vạch số 0 là vì cân này có chiều dài hai đòn cân khác nhau nên là cân sai.

Câu 13.

Lực tác dụng lên một vật có thể làm biến đổi chuyển động của vật hoặc làm nó biến dạng.

Để đo cường độ của lực người ta dùng lực kế.

Câu 14.

Con số trên chai nước ngọt có ghi 750ml đó là thể tích nước ngọt ửong chai.

Đổi đơn vị $750ml = 0,750 \text{ lít} = 0,000750m^3$

Câu 15.

Mỗi tháng có 30 ngày, mỗi ngày có 24 giờ, mỗi giờ có 3600 giây.

Số giọt nước trong 1 tháng:

$$n = 30 \cdot 24 \cdot 3600 = 2592000 \text{ (giọt)}.$$

Thể tích nước là:

$$V = 2592000 : 20.1 = 129600 \text{ cm}^3 = 0,1296 = 0,1296 \text{ m}^3$$

4. Đề thi HK1 Vật Lý 6 số 4**ĐỀ THI HK1 LỚP 6****TRƯỜNG THCS PHÚ XUÂN****NĂM HỌC: 2020 - 2021****MÔN: Vật Lý****Thời gian làm bài: 45 phút**

Câu 1. Một cái bàn có chiều dài lớn hơn 0,5m và nhỏ hơn 1m. Dùng thước đo nào sau đây để đo chiều dài của bàn là thuận lợi nhất và chính xác nhất?

- A . Thước có GHĐ là 1m và ĐCNN là 1mm.
- B. Thước có GHĐ là 20cm và ĐCNN là 1mm.
- C. Thước có GHĐ là 0,5m và ĐCNN là 1cm.
- D. Thước có GHĐ là 1m và ĐCNN là 1cm.

Câu 2. Một bạn dùng thước đo độ dài có ĐCNN là 2cm để đo chiều rộng lớp học. Trong các cách ghi kết quả dưới đây, cách ghi nào là không đúng?

- A . 4,44m.
- B. 44,4dm.
- C . 444cm.
- D. 445cm.

Câu 3. Có thể dùng bình chia độ và bình tràn để đo thể tích của vật nào dưới đây?

- A. 1 bát gạo.
- B. 1 hòn đá sỏi
- C. 5 viên phấn
- D. 1 cái kim.

Câu 4. Trong các số liệu sau đây, số liệu nào chỉ khối lượng của hàng hóa?

- A. Trên nhãn của chai nước khoáng có ghi: 330ml.
- B. Trên vỏ của hộp Vitamin B1 có ghi: 1000 viên nén.
- C. Ở một số cửa hàng vàng bạc có ghi: vàng 99,99
- D. Trên vỏ gói xà phòng bột có ghi: khối lượng tịnh 1kg.

Câu 5. Gió thổi mạnh không gây ra sự biến đổi nào trong các biến đổi dưới đây?

- A. Lúa trên đồng đổ rạp về một phía.
- B. Cây lớn nhanh hơn.
- C. Xe đạp trên đường đi chậm lại.
- D. Xe đạp trên đường đi nhanh hơn.

Câu 6. Khi thả một hòn đá vào bình chia độ (GHĐ 100 cm³, ĐCNN 1cm³) có chứa 50cm³ nước người ta thấy rằng mực nước trong bình dâng lên ngang vạch 95cm³. Thể tích hòn đá là

- A. 95cm³.
- B. 50cm³.
- C. 45cm³.
- D. 145cm³.

Câu 7. Hai lực cân bằng có đặc điểm nào dưới đây?

- A. Cùng phương, cùng chiều, mạnh như nhau.
- B. Cùng phương, cùng chiều, mạnh khác nhau
- C. Cùng phương, ngược chiều, mạnh như nhau.
- D. Khác phương, khác chiều, mạnh như nhau.

Câu 8. Công thức tính khối lượng riêng là

- A . $D = V$.
- B. $D = PV$.
- C. $D = mV$.
- D. $D = m/V$.

Câu 9. Một vật đặc có khối lượng 8000g và thể tích 2dm³. Trọng lượng riêng của chất làm vật này là

- A . 40N/m³.
- B . 4N/m³.
- C . 4000N/m³.
- D. 40000N/m³.

Câu 10. Máy cơ đơn giản nào không làm thay đổi hướng của lực kéo?

- A . Mặt phẳng nghiêng.
- B. Ròng rọc động.
- C. Ròng rọc cố định
- D. Đòn bẩy.

B . TỰ LUẬN

Câu 11: Giới hạn đo của thước là gì? Độ chia nhỏ nhất của thước là gì?

Câu 12. Hai lực cân bằng là hai lực như thế nào? Thí dụ?

Câu 13. Kể tên các loại máy cơ đơn giản . Với mỗi loại máy cơ, em hãy nêu một thí dụ.

Câu 14.

a. Trọng lực là gì, trọng lượng là gì? Nêu đặc điểm về phương và chiều của trọng lực.

b . Một học sinh có khối lượng 30,5 kg thì có trọng lượng tương ứng là bao nhiêu?

Trọng lượng của học sinh này có lớn hơn trọng lượng của một bao gạo loại 5 yến không? Vì sao?

Câu 15.

Nước trong bình chia độ có khối lượng tổng cộng 110,4g, riêng bình có khối lượng 12,1 g .
Thể tích nước 100 cm³. Hãy cho biết khối lượng riêng của nước đo được là bao nhiêu?

LỜI GIẢI CHI TIẾT

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	D	B	D	B	C	C	D	D	B

Câu 11.

+ Giới hạn đo của thước là độ dài lớn nhất ghi trên thước.

+ Độ chia nhỏ nhất của thước là độ dài giữa hai vạch chia liên tiếp trên thước.

Câu 12.

Hai lực cân bằng là hai lực có phương trên cùng một đường thẳng, ngược chiều, mạnh như nhau và tác dụng lên cùng một vật

Vật đặt trên bàn chịu tác dụng của trọng lực và lực đỡ của bàn. hai lực đó là hai lực cân bằng

Câu 13.

Kể tên các loại máy cơ đơn giản: Mặt phẳng nghiêng. đòn bẩy. ròng rọc. (các em tự nêu thí dụ).

Câu 14.

a. Trọng lực là lực hút của Trái Đất. Trọng lượng là cường độ của trọng lực. Trọng lực có phương thẳng đứng, chiều hướng về phía Trái Đất.

b.

+ 30,5kg tương ứng với 305N

+ Không lớn hơn vì 5 yến = 50kg tương ứng với 500N (305N < 500N)

Câu 15.

Khối lượng của nước: $m = m_1 - m_2 = 110,4 - 12,1 = 98,3g$.

Khối lượng riêng của nước: $D = 983 \text{ kg/m}^3$.

5. Đề thi HK1 Vật Lý 6 số 5

ĐỀ THI HK1 LỚP 6

TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN**NĂM HỌC: 2020 - 2021****MÔN: Vật Lý****Thời gian làm bài: 45 phút****I. TRẮC NGHIỆM**

Chọn và khoanh tròn 1 chữ cái in hoa trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Khi sử dụng bình tràn và bình chứa để đo thể tích vật rắn không thấm nước thì thể tích của vật bằng :

- A. Thể tích phần nước tràn ra từ bình tràn sang bình chứa.
- B. Thể tích bình tràn.
- C. Thể tích bình chứa.
- D. Thể tích nước còn lại trong bình tràn.

Câu 2: Trong số các thước dưới đây, thước nào thích hợp nhất để đo chiều dài sân trường em?

- A. Thước thẳng có GHĐ 1m và ĐCNN 1mm
- B. Thước cuộn có GHĐ 5m và ĐCNN 5mm
- C. Thước dây có GHĐ 150cm và ĐCNN 1mm
- D. Thước thẳng có GHĐ 1m và ĐCNN 1cm

Câu 3: Con số 250g được ghi trên hộp mứt tết chỉ gì ?

- A. Thể tích của hộp mứt.
- B. Khối lượng và sức nặng của hộp mứt.
- C. Sức nặng của hộp mứt.

D. Khối lượng của mút trong hộp.

Câu 4 : Trọng lượng của một vật 200g là bao nhiêu?

- A. 0,2N. B. 2N C. 20N D. 200N

Câu 5: Dụng cụ nào sau đây không phải là máy cơ đơn giản?

- A. Cái búa nhổ đinh.
B. Cái bấm móng tay.
C. Cái thước dây.
D. Cái kìm.

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Thế nào là hai lực cân bằng?

Câu 2. Nếu trọng lượng của ống bê tông là 2000N và lực kéo mỗi người là 400N. Vậy khi kéo vật lên theo phương thẳng đứng thì dùng lực kéo của 5 người có thể kéo ống bê tông lên được không?

Câu 3. Một vật có khối lượng 600g treo trên một sợi dây đứng yên

- a) Vì sao vật đứng yên
b) Tính trọng lượng của vật.

ĐÁP ÁN

I. Trắc nghiệm

1	2	3	4	5
A	B	D	B	C

II. Tự luận

Câu 1. Hai lực cân bằng là hai lực mạnh như nhau, có cùng phương nhưng ngược chiều, tác dụng vào cùng một vật.

Câu 2. Được. Vì tổng lực kéo của 5 người là $5 \times 400 = 2000\text{N}$ bằng trọng lượng của ống bê tông (2000N)

Câu 3. a. Sợi dây chịu tác dụng của hai lực cân bằng

b. $m = 600\text{g} = 0.6\text{kg}$

$P = ?$

Giải

Trọng lượng của vật là

$P = 10.m = 10.0.6 = 6\text{N}$

6. Đề thi HK1 Vật Lý 6 số 6

ĐỀ THI HK1 LỚP 6

TRƯỜNG THCS ĐỒNG TIẾN

NĂM HỌC: 2020 - 2021

MÔN: Vật Lý

Thời gian làm bài: 45 phút

Câu 1. Hãy chọn câu đúng:

ĐCNN của một thước đo độ dài là

A . khoảng cách ngắn nhất giữa hai số gần nhau ghi trên thước đo.

B . khoảng cách giữa hai vạch chia trên thước

C . giá trị bằng số đầu tiên ghi trên thước đo.

D . giá trị độ dài giữa hai vạch chia liên tiếp trên thước đo.

Câu 2. Khi đo độ dài, người ta thường làm như thế nào?

A . Đặt thước không dọc theo chiều dài cần đo, một đầu của vật ngang bằng với vạch số 1 và đặt mắt nhìn để đọc kết quả đo tại đầu kia của vật

B. Đặt thước dọc theo chiều dài cần đo. một đầu của vật ngang bằng với vạch số 1 và đặt mắt nhìn để đọc kết quả đo tại đầu kia của vật

C. Đặt thước dọc theo chiều dài cần đo, vạch số 0 ngang bằng với một đầu của vật và đặt mắt nhìn để đọc kết quả đo tại đầu kia của vật

D. Đặt thước dọc theo chiều dài cần đo, vạch số 0 ngang bằng với một đầu của vật và đặt mắt nhìn để đọc kết quả đo theo hướng vuông góc với cạnh thước tại đầu kia của vật.

Câu 3. Người ta đã đo thể tích chất lỏng bằng bình chia độ có ĐCNN 5cm^3 . Cách ghi kết quả nào dưới đây là đúng?

A. $V = 20\text{cm}^3$.

B. $V_2 = 20,5\text{cm}^3$.

C. $V_3 = 20,50\text{cm}^3$.

D. $V_4 = 20,2\text{cm}^3$.

Câu 4. Người ta dùng một bình chia độ ghi tới cm^3 chứa 50cm^3 nước để đo thể tích của một hòn đá. Khi thả hòn đá vào bình, mực nước trong bình là 81cm^3 . Thể tích của hòn đá là :

A. 81cm^3 .

B. 50cm^3 .

C. 131cm^3 .

D. 31cm^3 .

Câu 5. Con số nào dưới đây chỉ lượng chất chứa trong một vật?

A. 5 mét.

B. 2 lít.

C. 10 gói.

D. 2 kilôgam.

Câu 6. Nên dùng một cân nào dưới đây để kiểm tra lại khối lượng hàng hóa mẹ đi chợ mua hàng ngày?

A. Cân đòn có GHĐ 1kg và ĐCNN $0,50\text{g}$.

B. Cân đòn có GHĐ 10kg và ĐCNN 10g .

C. Cân đòn có GHĐ 50kg và ĐCNN 100g .

D. Cân đòn có GHĐ 100kg và ĐCNN 200g.

Câu 7: Lực nào trong các lực dưới đây là lực kéo?

A . Lực mà người lực sĩ dùng để ném một quả tạ.

B . Lực mà con chim tác dụng khi đậu trên cành cây làm cho cành cây bị cong đi.

C. Lực mà không khí tác dụng làm cho quả bóng bay bay lên trời.

D. Lực mà con trâu tác dụng vào cái cày khi đang cày.

Câu 8. Trường hợp nào dưới đây không có sự biến đổi chuyển động?

A. Giảm ga cho xe máy chạy chậm lại.

B. Tăng ga cho xe máy chạy nhanh hơn.

C. Xe máy chạy đều trên đường thẳng.

D. Xe máy chạy đều trên đường cong.

Câu 9. Muốn đo trọng lượng và thể tích của các hòn sỏi thì dùng bộ dụng cụ nào dưới đây?

A. Một cái cân và một cái thước.

B. Một cái cân và một cái bình chia độ

C. Một cái lực kế và một cái thước.

D. Một cái lực kế và một cái bình chia độ.

Câu 10. Đơn vị trọng lượng là

A. N.

B. $N.m^2$.

C. $N.m$.

D. $N.m^3$.

Câu 11. Để kéo một vật có khối lượng 18,5kg lên cao theo phương thẳng đứng, người ta phải dùng một lực có cường độ ít nhất bằng

A. $F = 1,85N$

B. $F = 180N$

C. $F = 18,5N$

D. $F = 185N$.

Câu 12. Dùng tay kéo dây chun, khi đó:

A . chỉ có lực tác dụng vào tay.

B . chỉ có lực tác dụng vào dây chun.

C . có lực tác dụng vào tay và có lực tác dụng vào dây chun.

D. không có lực.

Câu 13. Một vật khối lượng 250g, có trọng lượng là bao nhiêu?

A. 250N

B. 2,5N.

C. 25N.

D. 0,25N.

Câu 14. Chọn câu phát biểu đúng:

A . Khối lượng của vật là do sức hút của Trái Đất lên vật đó.

B . Trọng lực có phương thẳng đứng, chiều hướng tâm Trái Đất

C . Khối lượng của vật còn được gọi là trọng lượng của vật đó.

D. Đơn vị trọng lượng là ke.

Câu 15: Hệ thức nào dưới đây biểu thị mối liên hệ giữa trọng lượng riêng và khối lượng riêng của cùng một chất?

A. $m = V.D$.

B. $P = d.v$

C. $d = 10.D$.

D. $P = 10.m$.

Câu 16. 1,2 lít nước có khối lượng bằng bao nhiêu, biết rằng khối lượng riêng của nước bằng 1000kg/m^3 ?

- A. 1,2kg.
- B. 12kg.
- C. 120kg.
- D. 1,2 tấn.

Câu 17. Nếu sữa trong một hộp sữa có khối lượng tịnh 397 gam và thể tích 0,314 lít thì trọng lượng riêng của sữa có giá trị gần đúng là bao nhiêu?

- A. $1,264\text{N/m}^3$
- B. $0,791\text{N/m}^3$.
- C. $12\,643\text{N/m}^3$
- D. 1264N/m^3 .

Câu 18. Một cái cốc có khối lượng bằng 200g đặt nằm cân bằng trên bàn. Lực tác dụng của mặt bàn vào cốc nhận giá trị nào trong các giá trị sau?

- A. 2N.
- B. 20N.
- C. 0,2N.
- D. 200N.

Câu 19. Máy cơ đơn giản nào sau đây không cho lợi về lực?

- A. Mặt phẳng nghiêng.
- B. Ròng rọc cố định.
- C. Ròng rọc động.
- D. Đòn bẩy.

Câu 20. Cầu thang là thí dụ của máy cơ đơn giản nào trong các máy cơ đơn giản sau đây?

- A. Đòn bẩy.
- B. Mặt phẳng nghiêng,

C. Ròng rọc động.

D. Ròng rọc cố định.

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
D	D	B	D	D	B	D	C	D	A
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
D	C	B	B	C	A	C	A	B	B

7. Đề thi HK1 Vật Lý 6 số 7

ĐỀ THI HK1 LỚP 6

TRƯỜNG THCS CHÂU VĂN LIÊM

NĂM HỌC: 2020 - 2021

MÔN: Vật Lý

Thời gian làm bài: 45 phút

Câu 1:

- Trọng lực là gì? Trọng lực có phương và chiều như thế nào?
- Cường độ của trọng lực tác dụng lên một vật gọi là gì? Nêu đơn vị đo lực?

Câu 2:

- Có mấy loại máy cơ đơn giản? Kể tên các loại máy cơ đơn giản?
- Hãy nêu tên của máy cơ đơn giản mà người ta dùng để đưa một thùng phuy nặng từ mặt đất lên sàn xe tải?

Câu 3: Trên vỏ túi bột giặt ô mô có ghi 2kg. Số đó chỉ gì?

Câu 4: Bằng cách nào em có thể biết được một vật có tính chất đàn hồi hay không đàn hồi? Hãy nêu một ví dụ minh họa?

ĐÁP ÁN

Câu 1:a. Trọng lực là lực hút của trái đất tác dụng lên vật

- Trọng lực có phương thẳng đứng
- Chiều từ trên xuống dưới (hướng về phía trái đất)

b. Cường độ của trọng lực tác dụng lên một vật là trọng lượng của vật đó

- Đơn vị lực là NiuTơn (N)

Câu 2:a. Có 3 loại máy cơ đơn giản: Đòn bẩy ; Mặt phẳng nghiêng; Ròng rọc

b. Máy cơ đơn giản mà người ta dùng để đưa một thùng phuy nặng từ mặt đất lên sàn xe tải là mặt phẳng nghiêng

Câu 3: Trên vỏ túi bột giặt ô mô có ghi 2kg, số 2 kg chỉ lượng ô mô chứa trong túi.

Câu 4: - Tác dụng lên vật một lực cho vật biến dạng, sau đó ngừng tác dụng rồi quan sát xem vật có trở lại hình dạng ban đầu hay không.

- Ví dụ: Uốn cong thanh thước nhựa rồi buông tay ra.

8. Đề thi HK1 Vật Lý 6 số 8

ĐỀ THI HK1 LỚP 6

TRƯỜNG THCS HÒA BÌNH

NĂM HỌC: 2020 - 2021

MÔN: Vật Lý

Thời gian làm bài: 45 phút

Câu 1. Hãy chọn câu đúng:

- A . GHĐ của một thước đo độ dài là độ dài nhỏ nhất có thể đo được bằng thước đó.
- B . GHĐ của một thước đo độ dài là độ dài lớn nhất mà thước đo có thể đo được.
- C . GHĐ của một thước đo độ dài là độ dài lớn nhất ghi trên thước đo.
- D. GHĐ của thước đo độ dài là độ dài của cái thước.

Câu 2. Một bạn dùng thước đo độ dài có ĐCNN là 1 mm để đo độ dài bảng đen. Trong các cách ghi kết quả dưới đây, cách ghi nào là đúng?

- A. 2000mm.
- B. 200cm.
- C. 20dm.
- D. 2m

Câu 3. Nên chọn bình chia độ nào trong các bình chia độ dưới đây để đo thể tích của một chất lỏng còn gần đầy chai 0,5l?

- A . Bình 1000ml có vạch chia tới 5ml.
- B . Bình 500ml có vạch chia tới 5ml.
- C. Bình 500ml có vạch chia tới 2ml.
- D. Bình 100ml có vạch chia tới 2ml.

Câu 4. Người ta dùng một bình chia độ có độ chia nhỏ nhất là 2cm^3 , chứa 50cm^3 nước để đo thể tích của một vật. Khi thả vật ngập vào nước trong bình thì mực nước dâng lên tới gần vạch 84cm^3 . Trong các kết quả ghi sau đây, kết quả nào là đúng?

- A . 34cm^3
- B. $34,0\text{cm}^3$.
- C. 33cm^3 .
- D. $33,0\text{cm}^3$.

Câu 5. Con số 250g được ghi trên hộp mứt tết chỉ gì?

- A . Thể tích của hộp mứt.
- B . Khối lượng của mứt trong hộp.
- C . Sức nặng của hộp mứt.
- D. Khối lượng và sức nặng của hộp mứt.

Câu 6. Lực nào trong các lực dưới đây là lực đẩy?

- A . Lực mà cần cẩu đã phải tác dụng vào thùng hàng để nâng thùng hàng lên.

- B . Lực mà gió tác dụng vào thuyền buồm.
- C . Lực mà nam châm tác dụng lên vật bằng sắt.
- D . Lực mà đầu tàu tác dụng làm cho các toa tàu chuyển động.

Câu 7. Chuyển động nào dưới đây không có sự biến đổi?

- A . Một chiếc tàu hỏa đang chạy bỗng bị hãm phanh, tàu dừng lại.
- B . Kim đồng hồ chạy đúng thời gian
- C . Một người đi xe đạp đang xuống dốc.
- D . Một máy bay đang bay thẳng với vận tốc 5000 km/h.

Câu 8. Đưa từ từ một cực của một thanh nam châm lại gần một quả nặng bằng sắt đang được treo trên một sợi chỉ. Lực hút của nam châm đã gây ra sự biến đổi nào?

- A . Quả nặng bị biến dạng.
- B . Quả nặng dao động.
- C . Quả nặng chuyển động lại gần nam châm.
- D . Quả nặng chuyển động ra xa nam châm.

Câu 9. Một quả nặng có trọng lượng 0,1N. Khối lượng của quả nặng là :

- A . 1g.
- B . 10g.
- C . 100g.
- D . 1000g.

Câu 10. Cặp lực nào dưới đây là hai lực cân bằng?

- A . Lực mà hai em bé cùng đẩy vào hai bên của một cánh cửa, làm cánh cửa quay.
- B . Lực của một lực sĩ đang giơ quả tạ trên cao và trọng lực tác dụng lên quả tạ.
- C . Lực một người đang kéo dãn một dây lò xo và lực mà dây lò xo kéo lại tay người.

D. Lực của vật nặng được treo vào dây tác dụng lên dây và lực của dây tác dụng lên vật

Câu 11. Lực nào sau đây không phải là trọng lực?

A . Lực làm cho nước mưa rơi xuống.

B . Lực tác dụng lên một vật nặng treo vào lò xo làm cho lò xo dãn ra.

C. Lực tác dụng vào viên phấn khi viên phấn được buông ra khỏi tay cầm.

D. Lực nam châm tác dụng vào hòn bi sắt

Câu 12. Dùng quả nặng có khối lượng bằng 50g treo vào một đầu lò xo, lò xo dãn ra 1cm.

Muốn lò xo dãn ra 3cm phải làm thế nào?

A . Treo thêm một quả nặng 50g.

B . Thay quả nặng 50g bằng quả nặng 100g.

C . Treo thêm quả nặng 100g.

D. Cả ba phương án trên đều sai.

Câu 13. Lực nào dưới đây là lực đàn hồi:

A. Trọng lực của một quả nặng.

B. Lực hút của nam châm lên miếng sắt.

C. Lực đẩy của lò xo dưới yên xe đạp

D. Lực kết dính của tờ giấy dán trên bảng

Câu 14. Cho một khối chì hình hộp chữ nhật có thể tích bằng 10cm^3 . Khối lượng của khối chì bằng bao nhiêu? Biết rằng khối lượng riêng của chì bằng 11300kg/m^3 .

A. 113kg.

B. 113g.

C. 11,3kg.

D. 1,13g.

Câu 15. Một vật có khối lượng bằng 0,8 tấn và có thể tích bằng 1m^3 . Trọng lượng riêng của chất cấu tạo nên vật đó nhận giá trị nào trong các giá trị sau?

- A. 80N/m^3 .
- B. 800N/m^3 .
- C. 8000N/m^3 .
- D. 800N/dm^3 .

Câu 16. Một cái cột trụ bằng sắt có thể tích bằng 2m^3 và nặng 15,6 tấn. Khối lượng riêng của sắt nhận giá trị nào trong các giá trị sau?

- A. 11300kg/m^3 .
- B. 7800kg/m^3 .
- C. 2700kg/m^3 .
- D. 1000kg/m^3 .

Câu 17. Đơn vị đo khối lượng riêng là:

- A. N/m^3
- B. kg/m^2
- C. kg
- D. kg/m^3 .

Câu 18. Trong 4 cách sau:

1. Giảm chiều cao kê mặt phẳng nghiêng
2. Tăng chiều cao kê mặt phẳng nghiêng
3. Giảm độ dài của mặt phẳng nghiêng
4. Tăng độ dài của mặt phẳng nghiêng

Những cách nào làm giảm độ nghiêng của mặt phẳng nghiêng?

- A. Cách 1 và 3.
- B. Cách 1 và 4.
- C. Cách 2 và 3.
- D. Cách 2 và 4.

Câu 19. Để làm giảm độ nghiêng của mặt phẳng nghiêng, ta có thể:

- A. Tăng độ cao kê mặt phẳng nghiêng và tăng chiều dài mặt phẳng nghiêng
- B. Giảm độ cao kê mặt phẳng nghiêng và giảm chiều dài mặt phẳng nghiêng.

C . Tăng độ cao kê mặt phẳng nghiêng và giảm chiều dài của mặt phẳng nghiêng.

D. Giảm độ cao kê mặt phẳng nghiêng và tăng chiều dài của mặt phẳng nghiêng.

Câu 20. Để đưa các thùng đựng dầu lên xe tải, một người đã lần lượt dùng 4 tấm ván làm mặt phẳng nghiêng. Biết với 4 tấm ván này người đó đã đá thùng dầu với các lực nhỏ nhất tương ứng là: $F_1 = 1000\text{N}$; $F_2 = 200\text{N}$; $F_3 = 500\text{N}$; $F_4 = 1200\text{N}$.

Hỏi tấm ván nào dài nhất?

A . Tấm ván 1.

B. Tấm ván 2.

C. Tấm ván 3.

D. Tấm ván 4.

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
C	A	C	A	B	B	D	C	B	B
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
D	C	C	B	C	B	D	B	D	B

9. Đề thi HK1 Vật Lý 6 số 9

ĐỀ THI HK1 LỚP 6

TRƯỜNG THCS LÊ VĂN TÁM

NĂM HỌC: 2020 - 2021

MÔN: Vật Lý

Thời gian làm bài: 45 phút

Phần I - Trắc nghiệm Chọn phương án trả lời cho mỗi câu hỏi sau:

Câu 1. Trong các máy cơ đơn giản sau đây, máy nào chỉ có tác dụng làm đổi hướng của lực?

A. Ròng rọc cố định

- B. Ròng rọc động
- C. Mặt phẳng nghiêng
- D. Đòn bẩy

Câu 2. Một người dùng lực 500N để đưa một vật nặng 120kg từ mặt đất lên xe tải bằng một mặt phẳng nghiêng. Nếu dùng mặt phẳng nghiêng dài hơn thì người đó sẽ dùng lực nào trong các lực sau đây?

- A. $F = 1200N$;
- B. $F > 500N$;
- C. $F < 500N$;
- D. $F = 500N$

Câu 3. Trường hợp nào sau đây xuất hiện lực đàn hồi?

- A. Quả bóng cao su nổi trên mặt nước
- B. Một thanh thép đang bị uốn cong.
- C. Lò xo để tự nhiên
- D. Tờ giấy bị gấp đôi.

Câu 4. Để đưa một vật nặng 100kg trực tiếp lên theo phương thẳng đứng, phải cần một lực kéo ít nhất bằng bao nhiêu?

- A. 100N; B. 200N; C. 500N; D. 1000N

Câu 5. Một bạn dùng thước đo độ dài có ĐCNN là 1mm để đo độ dài của một chiếc bảng đen. Trong các cách ghi kết quả dưới đây, cách nào ghi đúng?

- A. 2 000mm; B. 200cm; C. 20dm; D. 2m

Câu 6. Để đo thể tích của hòn sỏi cỡ 15cm^3 , bình chia độ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Bình có GHĐ 250ml và ĐCNN 10ml

B. Bình có GHĐ 100ml và ĐCNN 2ml

C. Bình có GHĐ 250ml và ĐCNN 5ml

D. Bình có GHĐ 100ml và ĐCNN 1ml

Câu 7. Treo thẳng đứng một lò xo, đầu dưới được gắn với một quả cân 100g thì lò xo có độ dài là 11cm; nếu thay bằng quả cân 200g thì lò xo có độ dài 11,5cm. Khi không treo quả cân nào thì lò xo có độ dài là:

A. 10cm;

B. 10,5cm;

C. 11cm;

D. 11,5cm

Câu 8. Ba khối kim loại: 1kg đồng, 1kg sắt và 1kg nhôm. Khối nào có trọng lượng lớn nhất?

A. Khối đồng;

B. Khối sắt;

C. Khối nhôm;

D. Ba khối có trọng lượng bằng nhau.

Câu 9. Trên vỏ một hộp sữa có ghi 500g. Số liệu đó chỉ:

A. Thể tích của cả hộp sữa

B. Thể tích của sữa trong hộp

C. Khối lượng của sữa trong hộp

D. Khối lượng của cả hộp sữa

Câu 10. Người ta đã đo thể tích chất lỏng bằng bình chia độ có ĐCNN $0,5\text{cm}^3$. Hãy chỉ ra cách ghi kết quả đúng trong những trường hợp dưới đây:

A. $V = 20,2\text{cm}^3$;

B. $V = 20,5\text{cm}^3$;

C. $V = 20,50\text{cm}^3$;

D. $V = 20\text{cm}^3$;

Phần II - Tự luận

Bài 1. Một bình tràn có thể tích chứa được nhiều nhất là 100cm^3 nước, đang đựng 60cm^3 nước. Thả một vật rắn không thấm nước vào bình thì thấy thể tích nước tràn ra khỏi bình là 30cm^3 . Tính thể tích của vật rắn đó.

Bài 2. Một vật có khối lượng 500g treo trên một sợi dây đứng yên.

a) Giải thích vì sao vật đứng yên?

b) Cắt sợi dây vật rơi xuống. Giải thích vì sao vật đang đứng yên lại chuyển động?

ĐÁP ÁN

Phần I - Trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	C	B	D	A	D	B	D	C	B

Phần II - Tự luận

Câu 1:

- Thể tích nước dâng lên trong bình tràn: $V_1 = 100 - 60 = 40 (\text{cm}^3)$

- Thể tích của nước tràn ra ngoài: $V_2 = 30 \text{cm}^3$

- Thể tích của vật rắn: $V = V_1 + V_2 = 40 + 30 = 70 (\text{cm}^3)$

Câu 2 :

a) Vật đứng yên vì khi treo vật vào dây vật chịu tác dụng của hai lực. Trọng lực của vật và lực căng của dây tác dụng lên vật, hai lực này là cặp lực cân bằng.

b) Khi cắt sợi dây vật chỉ chịu tác dụng của trọng lực vì vậy vật rơi xuống, vật đang đứng yên lại chuyển động vì có lực tác dụng lên vật.

10. Đề thi HK1 Vật Lý 6 số 10

ĐỀ THI HK1 LỚP 6

TRƯỜNG THCS LÊ MINH XUÂN

NĂM HỌC: 2020 - 2021

MÔN: Vật Lý

Thời gian làm bài: 45 phút

I. Phần trắc nghiệm:

Câu 1: Công thức tính trọng lượng riêng là

- A. $d = \frac{m}{V}$. B. $d = \frac{V}{P}$. C. $d = \frac{P}{V}$ D. $m = D.V$

Câu 2: Khi quả bóng đập vào tường thì lực mà bức tường tác dụng lên quả bóng sẽ

- A. vừa làm biến dạng quả bóng, vừa làm biến đổi chuyển động của nó.
B. chỉ làm biến dạng quả bóng.
C. chỉ làm biến đổi chuyển động của quả bóng.
D. không làm biến dạng, cũng không làm biến đổi chuyển động của quả bóng.

Câu 3: Trong các dụng cụ dưới đây, dụng cụ nào **không phải** là đòn bẩy?

- A. Búa nhổ đinh
B. Kim điện
C. Kéo cắt giấy
D. Cái rựa

Câu 4: Một quả nặng có khối lượng 1 kg. Trọng lượng của quả nặng là bao nhiêu?

- A. 0,1N B. 1N C. 10N D. 100N

Câu 5: Hùng dùng 1 bình chia độ chứa 60cm^3 nước để đo thể tích của 1 hòn đá. Khi thả hòn đá vào bình, mực nước trong bình dâng lên tới vạch 85cm^3 . Vậy, thể tích hòn đá là bao nhiêu?

- A. 20 cm^3 B. 25cm^3

C. 125cm^3 D. 35cm^3

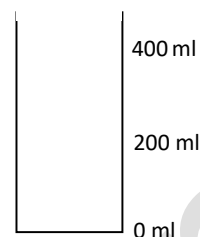
Câu 6: Cho bình chia độ như hình vẽ. Giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của bình lần lượt là

A. 400 ml và 20 ml

B. 200 ml và 20 ml

C. 400 ml và 10 ml

D. 400 ml và 0 ml



II. Phần tự luận:

Câu 2: Thế nào là hai lực cân bằng ?

Câu 3: Đổi đơn vị:

- $1\text{m}^3 = \dots\dots\dots$ lít
- $1\text{m}^3 = \dots\dots\dots$ cc
- $1\text{cm} = \dots\dots\dots$ mm
- $1\text{m}^3 = \dots\dots\dots$ dm^3

ĐÁP ÁN

I. Trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6
C	A	D	C	B	A

II. Tự luận

Câu 1: Hai lực cân bằng là hai lực mạnh như nhau, có cùng phương nhưng ngược chiều, tác dụng vào cùng một vật.

Câu 2: Đổi đơn vị:

- $1\text{m}^3 = 1000$ lít
- $1\text{m}^3 = 1000000$ cc
- $1\text{cm} = 10$ mm
- $1\text{m}^3 = 1000$ dm^3

www.eLib.vn